

NGHỊ QUYẾT

Quy định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 9576/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Huế; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Quy định về số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Số lượng, chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

2. Số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

a) Số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố:

- Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 1000 hộ gia đình trở lên, số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không quá 07 người.

- Đối với các thôn, tổ dân phố còn lại số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố không quá 05 người.

b) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố gồm các chức danh: Phó Bí thư chi bộ, Phó Trưởng thôn/Tổ phó Tổ dân phố, Phó Trưởng ban công tác Mặt trận, Chi hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ, Chi hội trưởng Hội Nông dân, Chi hội trưởng Hội Cựu chiến binh, Bí thư Chi đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 3. Mức phụ cấp hằng tháng đối với chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Huế được hưởng mức phụ cấp hằng tháng như sau:

1. Đối với thôn có từ 700 hộ gia đình trở lên; tổ dân phố có từ 1000 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới, thôn đặc biệt khó khăn:

STT	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Bí thư Chi bộ	Hệ số 2,8 lần mức lương cơ sở/tháng
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	Hệ số 2,8 lần mức lương cơ sở/tháng
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Hệ số 2,4 lần mức lương cơ sở/tháng

2. Các thôn, tổ dân phố không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này:

STT	Chức danh	Mức phụ cấp
1	Bí thư Chi bộ	Hệ số 2,3 lần mức lương cơ sở/tháng
2	Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố	Hệ số 2,3 lần mức lương cơ sở/tháng
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	Hệ số 1,9 lần mức lương cơ sở/tháng

3. Mức phụ cấp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đã bao gồm kinh phí đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, gồm phần thuộc trách nhiệm đóng của người sử dụng lao động và phần thuộc trách nhiệm đóng của người lao động. Căn cứ mức phụ cấp này, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quy định việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Việc kiêm nhiệm chức danh

- a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh của người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố;
- b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh của người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;
- c) Người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm chức danh của người tham gia hoạt động khác ở thôn, tổ dân phố;
- d) Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí việc kiêm nhiệm chức danh cho phù hợp với tình hình thực tiễn quản lý ở địa phương, nhưng một người kiêm nhiệm không quá 02 chức danh và bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ ở các vị trí được giao.

2. Phụ cấp kiêm nhiệm

- a) Việc bố trí kiêm nhiệm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì được hưởng 50% mức phụ cấp của chức danh kiêm nhiệm.
- b) Việc bố trí kiêm nhiệm theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này thì được hưởng 100% mức hỗ trợ của các chức danh kiêm nhiệm.
- c) Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh thì chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.
- d) Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Điều 5. Mức hỗ trợ hằng tháng đối với chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

Mức hỗ trợ hằng tháng đối với chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố bằng hệ số 0,5 lần mức lương cơ sở.

Điều 6. Mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng ở thôn, tổ dân phố; các thôn, tổ dân phố; Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố

- 1. Thôn đặc biệt khó khăn: 03 triệu đồng/tổ chức/năm.
- 2. Thôn, tổ dân phố còn lại: 02 triệu đồng/tổ chức/năm.

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn Ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

- 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.
- 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chức danh, chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn,

tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định chức danh, chế độ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa IX, Kỳ họp lần thứ 2 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Nội vụ, Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- BTV Đảng ủy các cơ quan Đảng thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- VP: LĐ và các CV;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Đức Tiến